

Bản án số: 129/2026/HS-ST

Ngày: 12-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoà;
2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tuấn Kiệt - Kiểm sát viên;

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2026/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh L**; giới tính: Nam; sinh ngày 19 tháng 11 năm 2007, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có. Nghề nghiệp: Không có. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Ngọc T1, sinh năm 1975. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Nguyễn Minh L đang bị tạm giữ ngày 14/01/2026, tạm giam ngày từ ngày 23/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phan Tấn P**; Giới tính: Nam; sinh ngày 13 tháng 12 năm 2007, tại tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có. Nghề nghiệp: Không có. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Phan Thanh H, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1978. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo Phan Tấn P đang bị tạm giữ ngày 14/01/2026, tạm giam ngày từ ngày 23/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam T – Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12 năm 2024, Nguyễn Minh L quen biết với một người đàn ông tên M (không rõ nhân thân, địa chỉ) qua mạng xã hội Facebook. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2025, bị cáo L liên lạc với M qua mạng xã hội M1 hỏi mua 01 hộp pháo hoa nổ loại 49 ống, M đồng ý bán cho L với giá 700.000 đồng và hẹn đến bờ Kênh Tây thuộc ấp P, xã D, tỉnh Tây Ninh để mua bán pháo. Ngày 07/01/2026, bị cáo L đi một mình đến bờ Kênh T gặp M đi một mình (M đeo khẩu trang kín mặt), để mua 01 hộp pháo và trả tiền mặt cho M. Sau khi mua được pháo, bị cáo L được M giới thiệu số điện thoại của một người tên Đ để L liên lạc bán pháo. Qua số điện thoại do M giới thiệu, bị cáo L kết bạn qua Zalo với người tên Đ và người này đồng ý mua pháo của bị cáo. Đến khoảng 19 giờ ngày 08/01/2026, bị cáo L bán cho Đ hộp pháo hoa nổ đã mua của M trước đó với giá 950.000 đồng, tại đoạn đường B, gần quán C, thuộc khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh.

Đến ngày 13/01/2026, người tên Đ tiếp tục liên hệ với bị cáo L qua Zalo hỏi mua 06 hộp pháo hoa loại 49 ống và 01 hộp pháo hoa loại 100 ống để sử dụng. Bị cáo L và Đ thỏa thuận giá mua bán pháo hoa loại hộp 49 ống là 950.000 đồng/01hộp, pháo hoa loại hộp 100 ống là 2.000.000 đồng/01hộp. Sau đó, bị cáo L liên lạc với M qua M để hỏi mua pháo với số lượng mà Đ đặt mua. M đồng ý và hẹn đến sáng ngày 14/01/2026 sẽ gặp bị cáo để bán pháo tại bờ K (nơi lần trước M đã bán).

Đến sáng ngày 14/01/2026, do không có xe đi mua pháo, bị cáo L rủ Phan Tấn P cùng đi mua bán pháo và hứa sẽ cho bị cáo P 250.000 đồng. Bị cáo P điều khiển xe mô tô loại Honda Wave Alpha màu trắng, biển số 70E1-346.04, đến nhà rước bị cáo L đi đến bờ Kênh T, khi đến nơi thấy M đã chờ sẵn. M bán cho bị cáo L 06 hộp pháo hoa loại 49 ống và 01 hộp pháo hoa loại 100 ống với tổng số tiền 5.500.000 đồng. Bị cáo L trả tiền mặt cho M, số pháo trên Minh bỏ trong một túi vải và một ba lô vải màu đen đưa cho bị cáo L. Sau khi mua được pháo của M, bị cáo L điều khiển xe mô tô, biển số 70E1-346.04 chở bị cáo P mang số pháo đến quán cà phê “Ruộng” gần cầu K, thuộc khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh để bán cho người tên Đ. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 14/01/2026, khi hai bị cáo đang ở tại quán cà phê “Ruộng” để chờ bán pháo cho người tên Đ thì bị Công an phường N phối hợp Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan (Bút lục số: 01-21, 23-29, 31-57, 84-87, 116-123, 143-156)

Kết luận giám định số: 213/KL-KTHS ngày 20/01/2026, của Phòng K Công an tỉnh T như sau: 03 khối có ký hiệu H4049 (ký hiệu P1) được niêm phong gửi đến giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng nhiều màu; Khối lượng: 5,35 kilôgam. 01 khối có ký hiệu KS-49AB (ký hiệu P2) được niêm phong gửi đến giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng nhiều màu; Khối lượng: 1,75 kilôgam. 02 khối có ký hiệu KS-4901 (ký hiệu P3) được niêm phong gửi đến giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng nhiều màu; Khối lượng:

3,1 kilôgam. 01 khối hình hộp kích thước (25x24x10)cm được gắn kết bằng 100 ống giấy hình trụ tròn, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc có ghi ký hiệu KS4-10011 (ký hiệu P4) được niêm phong gửi đến giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng nhiều màu; Khối lượng: 3,75 kilôgam. Tất cả mẫu vật không phải do Bộ Q sản xuất (Bút lục số: 82);

Thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, vật chứng: Có bảng thống kê kèm theo.

Riêng xe mô tô biển số 70E1-346.04 chủ sở hữu anh Phạm Minh T2 cho bị cáo Phước mượn để sử dụng nhưng không biết bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên đã trả lại cho anh T2.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện, bị cáo L và bị cáo P không có sở hữu tài sản riêng nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Đối với người tên M và người tên Đ do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và vật chứng bị thu giữ đúng nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố;

Tại cáo trạng số 141/CT-VKSKV11 ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Minh L và Phan Tấn P về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L từ 15 tháng đến 21 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Phan Tấn P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Tấn P từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Vào ngày 14/01/2026, tại khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Nguyễn Minh L và bị cáo Phan Tấn P có hành vi mua pháo hoa nổ có tổng khối lượng là 13,95 kilôgam nhằm mục đích bán lại cho người khác để thu lợi thì bị phát hiện bắt quả tang. Diễn biến hành vi của các bị cáo và vật chứng bị thu giữ như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định các bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng cấm” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự, với tình tiết “*c) sản xuất, buôn bán pháo nổ từ 6 kg đến dưới 40 kg*”.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất nghiêm trọng, bản thân các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết việc buôn bán pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm nên cần xử lý nghiêm.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo phạm tội thuộc đồng phạm giản đơn, không có tổ chức; trong đó bị cáo L giữ vai trò chính, là người chủ động liên hệ và thực hiện hành vi mua bán pháo nổ; bị cáo P bị rủ rê nhưng vẫn thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo L phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P.

[6] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6.1] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.2] Tình tiết tăng nặng: Không;

[7] Xét thấy, cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một khoản thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục, góp phần phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

[8] Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thùng giấy carton được niêm phong có chữ ký giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý giám định Nguyễn

Hoàng Chi M2, bên trong có 5,05kg (năm phẩy không năm kí lô gam) pháo hoa nổ (Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục tạm giữ).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, số seri 19DL2NB0DYM; số IMEI: 353060110820849; Số IMEI 2: 353060110763049 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5G (POCO F5) màu xanh ngọc, Số IMEI 1: 865382065142768; Số IMEI 2: 865382065142776 (đã qua sử dụng) là phương tiện hai bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi mua bán pháo nổ.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tình tiết, nội dung, tính chất vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh L phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14-01-2026;

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự Tuyên bố bị cáo Phan Tấn P phạm tội “Buôn bán hàng cấm”. Xử phạt bị cáo Phan Tấn P **01 (một) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 14-01-2026;

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) thùng giấy carton được niêm phong có chữ ký giám định viên Nguyễn Văn N và trợ lý giám định Nguyễn Hoàng Chi M2, bên trong có 5,05kg (năm phẩy không năm kí lô gam) pháo hoa nổ (*Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục tạm giữ*).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12, Số seri 19DL2NB0DYM; Số IMEI: 353060110820849; Số IMEI 2: 353060110763049 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 5G (POCO F5) màu xanh ngọc, Số IMEI 1: 865382065142768; Số IMEI 2: 865382065142776 (đã qua sử dụng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Minh L, Phan Tấn P phải chịu 200.000 đồng tiền

án phí.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Lắm